



KINH TẾ - XÃ HỘI

# KẾT QUẢ SƠ BỘ

## KHẢO SÁT MỨC SỐNG DÂN CƯ NĂM 2020

**Khảo sát mức sống dân cư năm 2020 (viết gọn là KSMS 2020) được tiến hành trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm 46.995 hộ đại diện cho toàn quốc, khu vực thành thị, nông thôn, 6 vùng địa lý, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. Riêng thông tin về chi tiêu chỉ đại diện đến cấp toàn quốc và 6 vùng địa lý. Các thông tin được thu thập trong KSMS 2020 gồm: Thu nhập, chi tiêu, nhân khẩu học, giáo dục, y tế, việc làm, đồ dùng lâu bền, nhà ở, điện, nước, điều kiện vệ sinh, tham gia các chương trình trợ giúp của hộ dân cư và các thành viên trong hộ và một số đặc điểm của xã.**

### Một số kết quả chính của KSMS 2020

(1) *Thu nhập bình quân (TNBQ)* 1 người 1 tháng chung cả nước năm 2020 theo giá hiện hành đạt khoảng 4.230 nghìn đồng, giảm khoảng 2% so với năm 2019. Bình quân mỗi năm trong thời kỳ 2016-2020, thu nhập bình quân đầu người 1 tháng chung cả nước tăng bình quân 8,1%. TNBQ 1 người 1 tháng năm 2020 ở khu vực thành thị đạt 5.538 nghìn đồng, cao gấp gần 1,6 lần khu vực nông thôn (3.480 nghìn đồng). Nhóm hộ giàu nhất (nhóm gồm 20% dân số giàu nhất - nhóm 5) có TNBQ 1 người 1 tháng năm 2020 đạt 9.108 nghìn đồng cao gấp hơn 8 lần so với nhóm hộ nghèo nhất (nhóm gồm 20% dân số nghèo nhất - nhóm 1), với mức thu nhập đạt 1.139 nghìn đồng. Vùng có TNBQ đầu người cao nhất là vùng Đông Nam Bộ (6.023 nghìn đồng 1 người 1 tháng), cao gấp 2,2 lần vùng có TNBQ đầu người thấp nhất là vùng Trung du và miền núi phía Bắc (2.745 nghìn đồng 1 người 1 tháng).

Trong tổng thu nhập năm 2020, tỷ trọng thu từ tiền lương, tiền công chiếm 55,3%, thu từ hoạt động tự làm nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 11,2%, thu từ hoạt động tự làm phi nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 22,9%, thu khác chiếm 10,6%. Cơ cấu thu nhập qua các năm đã có sự chuyển biến theo hướng tiến bộ hơn, trong đó tỷ trọng thu từ tiền lương, tiền công ngày càng tăng, ngược lại tỷ trọng thu từ hoạt động tự làm nông, lâm nghiệp, thủy sản ngày càng giảm, kết quả này phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu trong việc làm.

(2) Năm 2020 *chi tiêu bình quân hộ gia đình* cả nước là 2,89 triệu đồng/người/tháng, tăng 13% so với 2018. Năm 2020 là một năm người dân bị ảnh hưởng nặng nề do dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19, có thể thấy rằng chi tiêu năm này tăng chậm hơn so với thời kỳ trước (chi tiêu bình quân năm 2018 tăng 18% so với 2016). Các hộ gia đình thành thị có mức chi tiêu bình quân đầu

người/tháng xấp xỉ 3,8 triệu đồng trong khi các hộ nông thôn chỉ ở mức 2,4 triệu đồng, chênh lệch giữa hai khu vực là 1,6 lần. Vùng Đông Nam Bộ luôn đứng đầu cả nước với mức chi tiêu hộ gia đình cao nhất (xấp xỉ 3,9 triệu đồng/người/tháng). Vùng Trung du miền núi phía Bắc có mức chi thấp nhất (tương đương 2,1 triệu đồng/người/tháng). Ngoài ra mức tăng chi tiêu bình quân đầu người một tháng ở vùng Trung du miền núi phía Bắc năm 2020 chỉ tăng 5% so với 2018 trong khi vùng Đông Nam Bộ tăng tới 17,3% so với năm 2018.

Chi đời sống chiếm tỷ lệ cao trong tổng chi tiêu bình quân đầu người của hộ gia đình. Năm 2020 chi cho đời sống bình quân một người một tháng là 2,7 triệu đồng (chiếm tới 93% trong tổng chi tiêu hộ gia đình), trong đó chi cho ăn uống bình quân đầu người một tháng xấp xỉ 1,69 triệu đồng và không phải ăn uống hút là xấp xỉ 1,2 triệu đồng.

Sự bất bình đẳng trong chi tiêu

bình quân đầu người một tháng quan sát được giữa nhóm giàu nhất và nhóm nghèo nhất, lên tới 3,5 lần năm 2020, với chi bình quân đầu người một tháng ở các hộ nhóm 5 xấp xỉ 4,8 triệu đồng/người/tháng so với gần 1,4 triệu đồng/người/tháng ở các hộ thuộc nhóm 1.

(3) *Tiêu dùng lương thực, thực phẩm* qua số liệu cho thấy một xu hướng rõ ràng là các hộ gia đình có xu hướng giảm dần việc tiêu thụ tinh bột, như việc lượng gạo tiêu thụ bình quân một người một tháng giảm dần qua các năm, từ 9,7 kg/người/tháng năm 2010 xuống còn 8,1 kg/người/tháng năm 2018 và chỉ còn 7,6 kg/người/tháng năm 2020. Thói quen ăn uống cho thấy các hộ gia đình sống ở vùng nông thôn thường tiêu thụ nhiều gạo hơn so với các hộ gia đình thành thị (8,5 so với 6,1 kg/người/tháng). Những hộ gia đình thuộc nhóm nghèo nhất có lượng gạo tiêu thụ cao hơn so với những hộ gia đình thuộc nhóm khá giả nhất (9,0 so với 6,6 kg/người/tháng).

Lượng tiêu thụ thịt các loại có xu hướng tăng nhẹ qua các năm, từ 1,8 kg/người/tháng năm 2010 lên 2,3 kg/người/tháng năm 2020. Tiêu thụ Trứng tăng trong năm 2020, chủ yếu do năm 2020 bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 và các đợt giãn cách xã hội, trứng là mặt hàng các hộ gia đình ưa chuộng sử dụng để bổ sung dinh dưỡng thay vì các loại khác.

Lượng tiêu thụ rượu, bia có dấu hiệu tăng nhẹ trong năm 2020, từ 0,9 lít/người/tháng năm 2018 lên 1,3 lít/người/tháng năm 2020. Lượng tiêu thụ mặt hàng này của nhóm hộ gia đình khá giả nhất cũng cao hơn so với nhóm hộ gia đình nghèo nhất (2,4 so với 1,3 lít/người/tháng).

(4) Trong giai đoạn 2010 - 2020, *chất lượng nguồn nước sinh hoạt* của hộ gia đình được nâng cao một cách rõ rệt. Tỷ lệ hộ có nguồn nước hợp vệ sinh năm 2020 là 97,4%, tăng 6,9 điểm phần trăm so với năm 2010. Tỷ lệ này tăng nhanh ở khu vực nông thôn (năm 2020 tăng 8,8 điểm phần trăm so với năm 2010) và tăng nhanh ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (15,9 điểm phần trăm), Tây Nguyên (13,9 điểm phần trăm) và Trung du và miền núi phía Bắc (9,7 điểm phần trăm).

Đi đôi với chất lượng nguồn nước sinh hoạt được nâng cao, tỷ lệ hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh cũng tăng nhanh trong 10 năm qua. Tỷ lệ này năm 2020 là 94%, tăng 18,3 điểm phần trăm so với năm 2010. Việc sử dụng hố xí hợp vệ sinh có sự chênh lệch đáng kể giữa thành thị - nông thôn (7,7 điểm phần trăm) và giữa các vùng miền, cụ thể giữa vùng Đồng bằng sông Hồng có tỷ lệ hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh cao nhất so với vùng Đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ này thấp nhất cả nước có mức chênh lệch lên tới 14,7 điểm phần trăm. Tuy nhiên mức độ tăng của tỷ lệ hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh giai đoạn 2010-2020 rất cao ở khu vực nông thôn (24 điểm phần trăm) và các vùng Đồng bằng sông Cửu Long (37,5 điểm phần trăm), Trung du và miền núi phía Bắc (28,4 điểm phần trăm) và khu vực Tây Nguyên (25 điểm phần trăm) cho thấy khoảng cách giữa các khu vực đang được thu hẹp rất nhanh và chất lượng hố xí của hộ gia đình đang cải thiện rõ rệt.

(5) *Sử dụng điện sinh hoạt* cũng là một trong số các chiều quan trọng phản ánh đời sống cư dân. Ở nước ta, việc đưa điện lưới quốc gia đến từng hộ gia đình, vùng miền ở mức rất cao, năm 2020,

tỷ lệ hộ sử dụng điện sinh hoạt đạt 99,5%, trong đó gần như không có sự khác biệt đáng kể giữa các khu vực thành thị - nông thôn và giữa các vùng miền, địa phương. Thực tế số liệu cho thấy tại nhiều địa phương, tỷ lệ này đã đạt 100% từ nhiều năm qua.

(6) *Sử dụng đồ dùng lâu bền* là một tiêu chí cho thấy hộ gia đình có mua sắm tài sản, thiết bị, phương tiện để phục vụ cho cuộc sống sinh hoạt hay không. Theo số liệu thống kê, trên cả nước có tới 99,9% hộ gia đình có đồ dùng lâu bền. Tỷ lệ này đã đạt 100% ở khu vực thành thị, một số vùng kinh tế và các hộ gia đình có mức thu nhập thuộc nhóm 2 trở lên.

(7) Với tư tưởng “an cư lạc nghiệp”, *chất lượng nhà ở* có vai trò vô cùng quan trọng quyết định tới chất lượng đời sống dân cư. Đo lường nghèo đa chiều cũng xem xét hai chỉ số đo lường liên quan tới nhà ở là chất lượng nhà ở và diện tích nhà ở bình quân đầu người. Chất lượng nhà ở của các hộ gia đình nước ta ở mức khá cao. Năm 2020, tỷ lệ hộ gia đình sống trong nhà kiên cố và bán kiên cố lên tới 95,6%, chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ hộ gia đình sống trong nhà thiếu kiên cố và nhà đơn sơ, không hẳn là do điều kiện kinh tế kém mà đôi khi do điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán lâu đời, ví dụ các hộ gia đình khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và Trung du và miền núi phía Bắc.

Năm 2020, diện tích nhà ở bình quân đầu người trên cả nước đạt mức 25,2 m<sup>2</sup>, tăng 7,3 m<sup>2</sup> so với năm 2010, tương ứng tăng 40,8%. Diện tích nhà ở bình quân đầu người lớn nhất ở khu vực Đồng bằng sông Hồng và thấp nhất khu vực Tây Nguyên; tăng dần theo 5 nhóm thu nhập và có sự chênh lệch đáng kể trong 5 nhóm thu nhập.

Diện tích này cao nhất ở nhóm giàu nhất, cao gần gấp đôi (1,8 lần) nhóm nghèo nhất.

(8) Tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều chung cả nước năm 2020 là 4,8%, giảm 0,9 điểm phần trăm so với năm 2019. Tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều ở nông thôn là 7,1%, cao hơn nhiều ở khu vực thành thị là 1,1%. Tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều có sự khác biệt giữa các vùng. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều cao nhất (14,4%), tiếp đến là các vùng Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (11% và 6,5%). Vùng có tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều thấp nhất là Đông Nam Bộ (0,3%).

Xét riêng về 10 chỉ số phản ánh mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản thì ba chỉ số có mức độ thiếu hụt cao nhất năm 2020 là bảo hiểm y tế, giáo dục người lớn và tiếp cận hộ xí hợp vệ sinh (mức độ thiếu hụt lần lượt là 18,9%, 11,4% và 6,0%). Trong 3 chỉ số này thì 2 chỉ số là bảo hiểm y tế và tiếp cận hộ xí hợp vệ sinh có mức độ thiếu hụt có xu hướng giảm, riêng chỉ số giáo dục người lớn không có xu hướng giảm qua các năm trong giai đoạn 2016-2020.

(9) Trong năm 2020, có 19,4% số hộ dân cư được hưởng lợi từ dự án/chính sách giảm nghèo. Trong đó, có 17,11% hộ được hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế, 0,95% hộ được miễn giảm chi phí khám chữa bệnh cho người nghèo, 0,36% hộ được hưởng tín dụng ưu đãi cho người nghèo.

(10) Hệ số GINI (theo thu nhập) của Việt Nam năm 2020 là 0,373, thấp hơn GINI giai đoạn 2014-2018 ở mức 0,4 nhưng vẫn ở mức bất bình đẳng trung bình. Mức độ bất bình đẳng ở nông thôn cao hơn thành thị. Hai vùng có tỷ lệ nghèo cao là Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên cũng là hai vùng có hệ số GINI cao nhất, vùng có hệ số GINI thấp nhất là Đông Nam Bộ.

Năm 2020 tình hình kinh tế - xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 gặp không ít khó khăn, thách thức do vừa phải chống dịch vừa phải đảm bảo phát triển kinh tế xã hội. Mặc dù thu nhập của dân cư có giảm so với năm 2019 nhưng tỷ lệ hộ nghèo vẫn giảm do Chính phủ thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội. Tuy nhiên, mức sống vẫn có sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa nhóm dân cư giàu và nghèo, giữa các vùng. Đây là vấn đề đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách phải tiếp tục quan tâm giải quyết./.

*Nguồn Tổng cục Thống kê*

## TIÊU THỤ NÔNG SẢN...

*(Tiếp theo trang 21)*

Lúc đó mỗi ngành một việc, cùng phối hợp thì sẽ không còn cảnh các tổ chức, hay cá nhân kêu gọi giải cứu.

Theo phân tích của các chuyên gia kinh tế, dịch bệnh khiến hàng hóa, nông sản khắp nơi kêu cứu trong thời gian qua đã cho thấy nhiều vấn đề cần nghiên cứu và giải quyết. Trước hết, tại các địa phương nhận hàng giải cứu, việc thành lập các nhóm tuy khá quy mô và tốc độ nhanh, song chưa có sự thống nhất và bài bản. Chính vì thế, điều này mang lại hiệu quả trong việc tiêu thụ nhưng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân, người dân vẫn phải chịu lỗ. Vì vậy, xây dựng một cơ quan chuyên trách có thẩm quyền trực thuộc chính phủ và thường trực một cách liên tục để có thể xử lý kịp thời, tổng hợp những thiên tai, dịch họa, dịch bệnh trong phạm vi và quy mô nhất định, trong những thời điểm nhất định là cần thiết và nên làm. Đặc biệt là trong thời điểm các vấn đề bất định đang ngày càng có xu hướng gia tăng.

Bên cạnh những tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19, điệp khúc “được mùa mất giá, được giá mất mùa” hay “giải cứu nông sản” đã lặp đi lặp lại trong nhiều năm qua gây ra thiệt hại không nhỏ cho người nông dân cũng như ngành nông nghiệp. Theo các chuyên gia, để giải quyết câu chuyện đầu ra cho nông sản một cách cơ bản, lâu dài cần có những giải pháp căn cơ, có tính khả thi hơn là dựa vào “giải cứu”. Chính vì vậy, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Mục tiêu cụ thể của đề án là tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo quy mô lớn, đúng quy hoạch và yêu cầu của thị trường, trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ, truy xuất nguồn gốc nông sản; gắn với đó là tổ chức thương mại trong nước, ngoài nước theo hướng hiện đại. Củng cố và phát triển mô hình hợp tác xã thương mại và dịch vụ như là một trung gian cần thiết giữa người nuôi, trồng với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, phân phối và ngân hàng, để tổ chức cung ứng đầu vào và tiêu thụ đầu ra cho nông dân.

Cùng với đó, xây dựng cơ chế ràng buộc, gắn kết giữa các chủ thể chính trong kênh tiêu thụ nông sản; thiết kế các chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích các chủ thể liên kết hữu cơ với nhau từ khâu cung ứng vật tư, sản xuất, đến tiêu thụ sản phẩm nông sản.../.